TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MÓNG CÁI** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **142**/2020/QĐST-HNGĐ	*Móng Cái, ngày 13 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213; Điều 396; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Đào Thị T**, sinh năm: 1986
- Anh **Phạm Xuân M** (tên gọi khác: M), sinh năm: 1983

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Phạm Xuân M là vợ chồng hợp pháp và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do mâu thuẫn vợ chồng từ nhiều năm nên ngày 25/09/2020 chị T và anh M đều có yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và tự thỏa thuận về chia tài sản khi ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành chị T và anh M vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và tự thỏa thuận về chia tài sản khi ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận việc chị Đào Thị T và anh Phạm Xuân M thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị T và anh M có 02 (hai) con chung là Phạm Xuân D, sinh ngày: 13/11/2006 và Phạm Xuân Quốc B, sinh ngày: 16/11/2019. Các con chung đều chưa thành niên, cả chị T và anh M đều có quan điểm để chị T là người

trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương muốn được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn.

[3]. Về tài sản chung: Chị T và anh M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về khoản nợ chung: Chị T và anh M đều thống nhất không có.

[5]. Về lệ phí: Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đào Thị T và anh Phạm Xuân M mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị T và anh M đã thỏa thuận anh M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nên cần chấp nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/10/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Đào Thị T và anh Phạm Xuân M thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Chị Đào Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung Phạm Xuân D, sinh ngày: 13/11/2006 và Phạm Xuân Quốc B, sinh ngày: 16/11/2019 cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về tài sản chung**: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Các đương sự thống nhất không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Xuân M tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng

Cái theo Biên lai thu tiền số 0000384 ngày 01/10/2020. Anh M đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- UBND xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Dương Thị Thu Hà